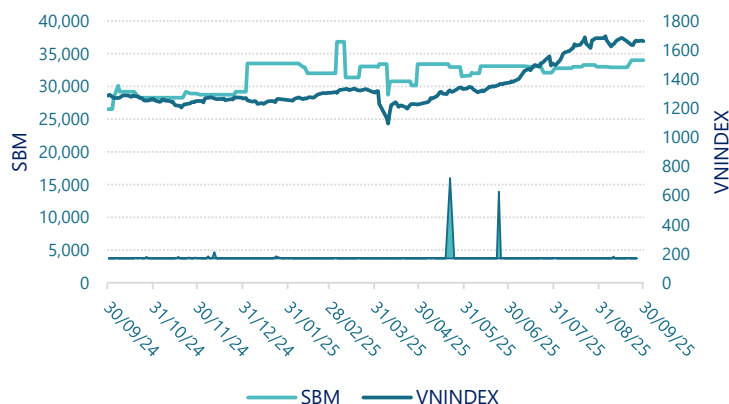


CTCP Đầu tư Phát triển Bắc Minh (UPCOM: SBM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	34,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,827
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	26,544
SL cổ phiếu LH	45,044,953
KLGD BQ 20 phiên (CP)	560
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,532
P/E	11.2
EPS	3,026

DT thuần

Q3/25

90.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.8 | 40.2%

YoY: ▼ 7.20 | -7.4%

LN sau thuế

Q3/25

47.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.3 | 53.0%

YoY: ▼ 9.60 | -16.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

58.9%

+/- YoY: ▼ 4.4%

DT thuần

9T 2025

198

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 9.00 | -4.5%

LN sau thuế

9T 2025

98.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 14.3 | -12.8%

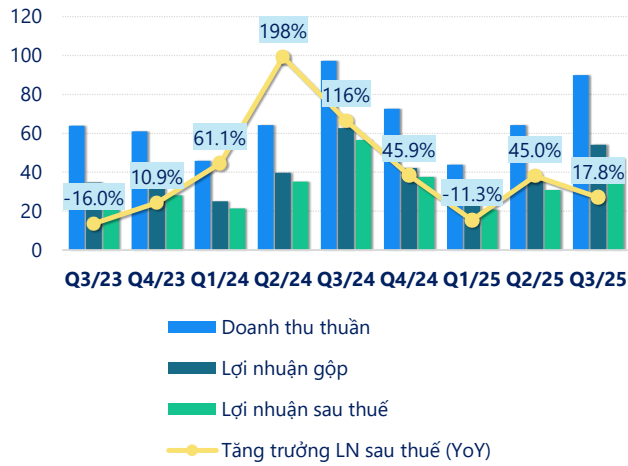
ROE

Q3/25

22.4%

tỷ VNĐ

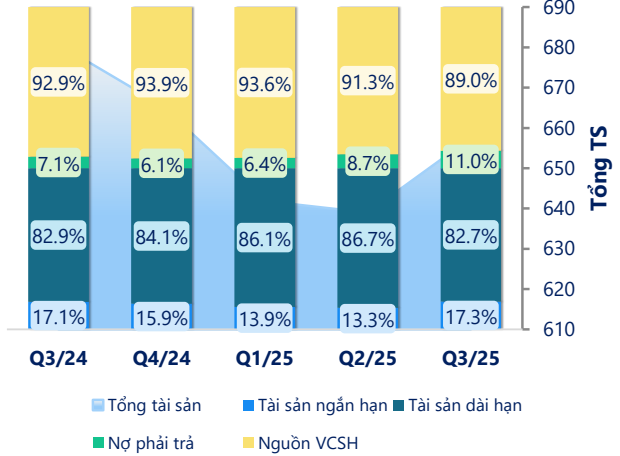
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

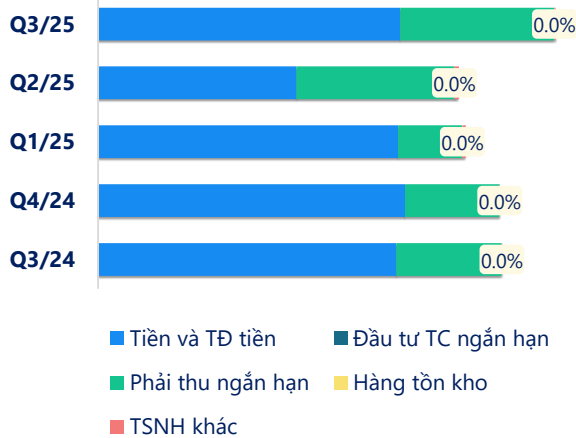
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



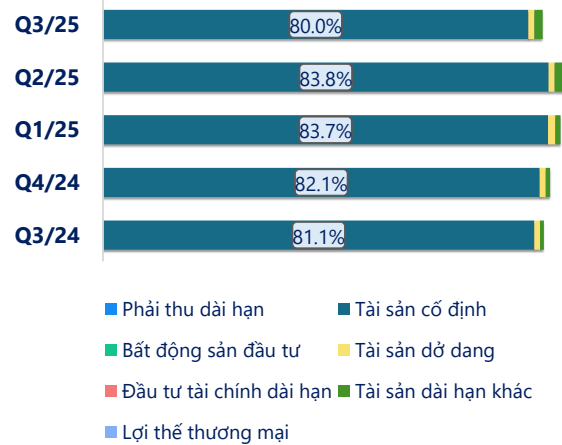
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

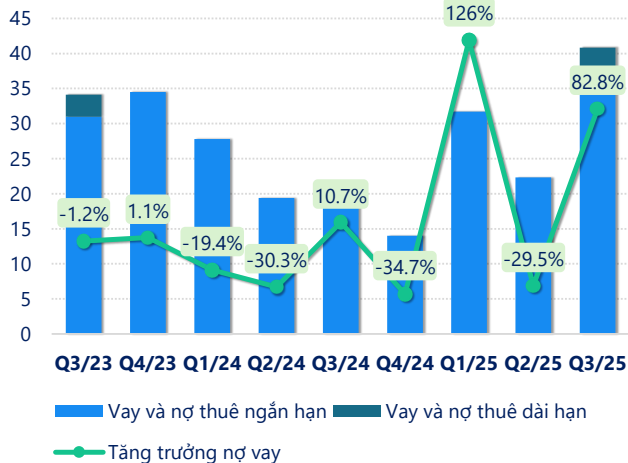
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

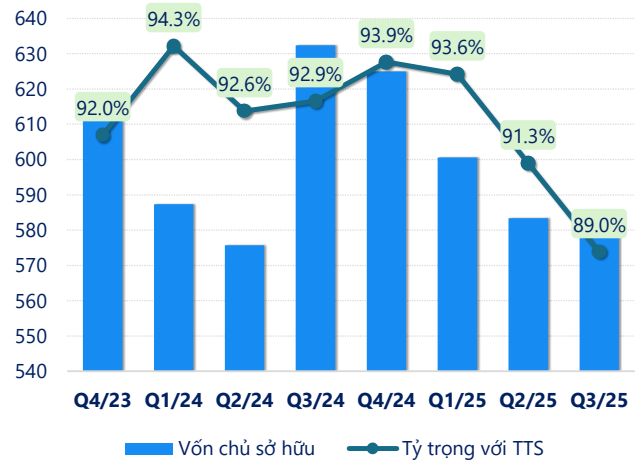
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

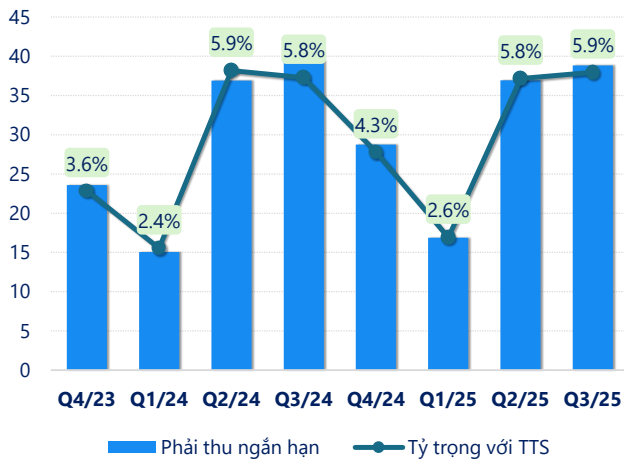
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



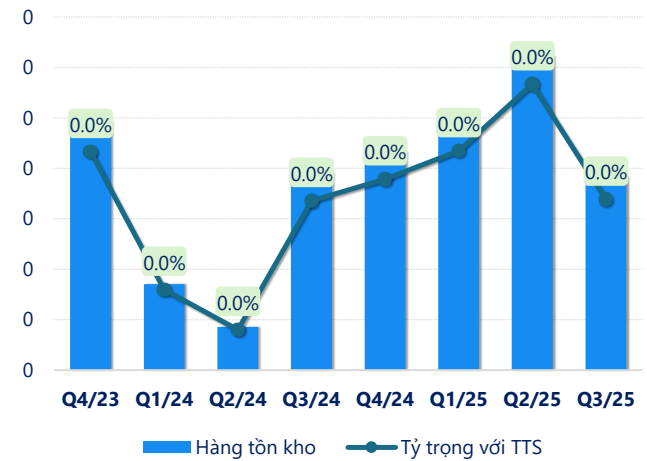
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


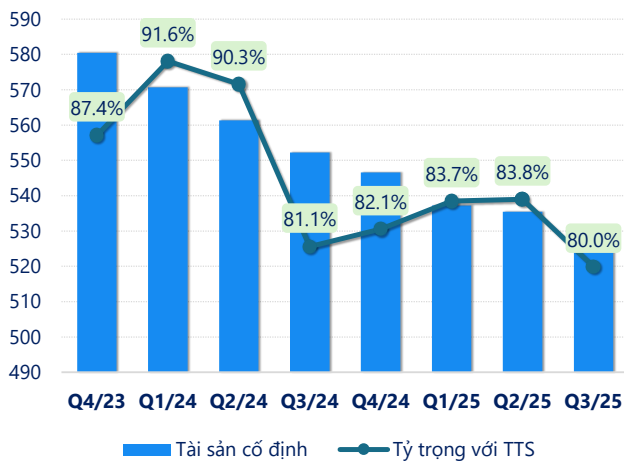
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


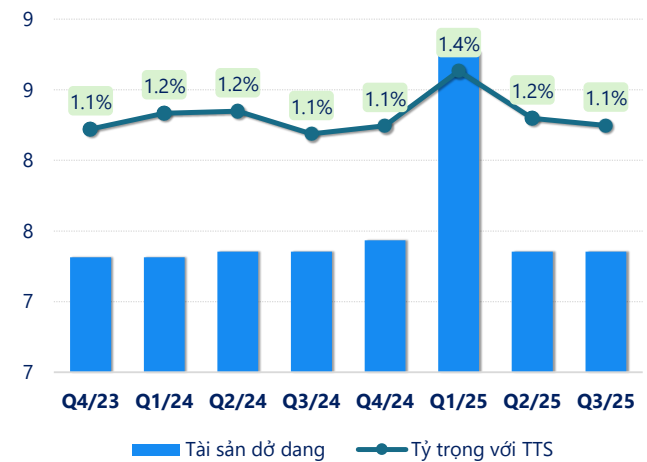
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

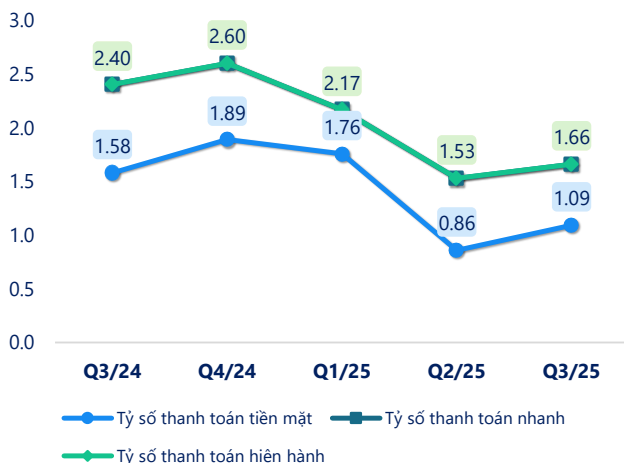
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

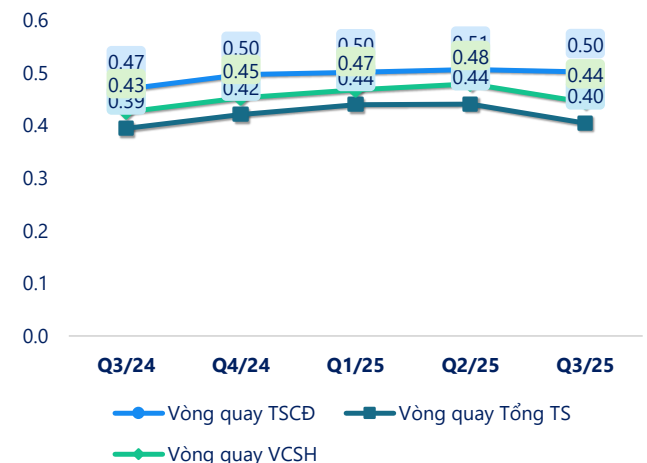
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	681	666	642	639	658
Tài sản ngắn hạn	116	106	89.4	85.0	114
Tiền và tương đương tiền	76.4	76.9	72.4	47.7	74.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	39.5	28.8	16.9	36.9	38.8
Hàng tồn kho	0.04	0.04	0.05	0.06	0.04
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	0.04	0.06	0.29	0.06
Tài sản dài hạn	565	560	552	554	544
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.02	0.01
Tài sản cố định	552	547	537	535	526
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.35	7.43	8.76	7.35	7.35
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.87	5.91	6.44	11.2	10.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	48.4	40.7	41.2	55.6	72.0
Nợ ngắn hạn	48.4	40.7	41.2	55.6	68.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.5	14.0	31.7	22.3	37.2
Phải trả người bán ngắn hạn	6.11	3.15	3.12	10.5	6.04
Nợ dài hạn	0	0	0	0	3.65
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	3.65
Nguồn vốn chủ sở hữu	632	625	601	583	585
Vốn chủ sở hữu	632	625	601	583	585
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)